

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2025/DS-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Hậu và ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phan Ý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (Viết tắt là V1).

Trụ sở: Tầng A và Tầng B, Tòa nhà S, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T – Giám đốc Khối Mạng lưới Kinh doanh V1. Theo Giấy ủy quyền số 226369.24 ngày 23/10/2024 của V1.

Ông Nguyễn Đình T ủy quyền lại cho: Ông Võ Văn T1 – Giám đốc Thu hồi nợ Trực tiếp và Xử lý nợ vùng (Đơn vị Vùng Đồng Bằng Sông C, K Mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng B). Theo Giấy ủy quyền số 232398.24, ngày 23/10/2024 của V1.

Ông Võ Văn T1 ủy quyền lại cho:

Ông Trần Minh P, ông Nguyễn Anh T2, ông Lâm Minh T3, ông Vũ Thiên Đ – Cán bộ V1. Cùng địa chỉ liên hệ: Số C, L, phường L, tỉnh An Giang. (Theo

Giấy ủy quyền số 243697.24, ngày 05/11/2024 của V1). (Ông T3 có mặt)

- Bị đơn:

+ Ông Đặng Phước T4, sinh năm 1962;

+ Bà Dương Thị Thu C, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Số A, đường số B, Khu đô thị S, khóm B, phường B, tỉnh An Giang. (Ông T4, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) – Chi nhánh A với bị đơn ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C có ký kết với nhau các hợp đồng, chi tiết như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 8497859.21 ngày 04/11/2021:

Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền sửa chữa nhà ở (không làm thay đổi kết cấu căn nhà) và mua sắm vật dụng trang thiết bị gia đình thuộc thửa đất số 307, tờ bản đồ số 49, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 02/12/2026. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10,1%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, lãi suất này sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm. Ngày trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 05. Kỳ trả đầu tiên: 05/01/2022; số tiền trả mỗi kỳ: 16.667.000 đồng; số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 05. Kỳ trả lãi đầu tiên: 05/01/2022. Ngày trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ.

2. Hợp đồng tín dụng số 7610008.22 ngày 13/6/2022:

Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Vay bổ sung vốn sửa chữa nhà ở và mua sắm vật dụng trang thiết bị gia đình không làm thay đổi kết cấu nhà tại khóm B, thuộc thửa đất số 307, tờ bản đồ số 49. Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 20/9/2027. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 11,7%/năm, lãi suất này sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,1%/năm. Ngày trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 20. Kỳ trả đầu tiên: 20/10/2022; số tiền trả mỗi kỳ: 50.000.000 đồng; số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 20. Kỳ trả lãi đầu tiên: 20/10/2022. Ngày trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ.

3. Hợp đồng tín dụng số 2029567.23 ngày 28/4/2023:

Số tiền vay: 650.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn sửa chữa nhà (không làm thay đổi kết cấu nhà) và mua sắm vật dụng gia đình tại thửa đất

số 281, tờ bản đồ số 49, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 04/5/2028. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 13,00%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, lãi suất này sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm. Ngày trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 25. Kỳ trả đầu tiên: 25/5/2023; số tiền trả mỗi kỳ: 10.834.000 đồng; số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên: 25/5/2023. Ngày trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ.

4. Hợp đồng tín dụng số 7642696.23 ngày 23/10/2023:

Số tiền vay: 2.550.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền sửa chữa nhà (không làm thay đổi kết cấu, nhà chưa hoàn công) và mua sắm trang thiết bị nội thất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 38. Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 25/10/2030. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 11,00%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, lãi suất này sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm. Ngày trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 30. Kỳ trả đầu tiên: 30/11/2023; số tiền trả mỗi kỳ: 30.358.000 đồng; số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 30. Kỳ trả lãi đầu tiên: 30/11/2023. Ngày trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ.

5. Căn cứ Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký ngày 26/11/2018, VIB đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Đặng Phước T4 chi tiết số thẻ như sau 621704060150403, loại thẻ Platinum. Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng. Lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên ông T4 và bà C đã ký với V1 – Chi nhánh A Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6763392.21.621, ngày 22/02/2021. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số: 49, địa chỉ: Phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 873173, số vào sổ cấp GCN: CH13162 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 17/01/2020. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1798, Quyền số: 03.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1, thành phố L, tỉnh An Giang công chứng ngày 22/02/2021. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 02/12/2021, V1 đã giải ngân cho ông T4, bà C theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 8497859.21 với số tiền 1.000.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD; Ngày 20/9/2022, V1 đã giải ngân cho ông T4, bà C theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 7610008.22 với số tiền 3.000.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD; Ngày 04/5/2023, V1 đã giải

ngân cho ông T4, bà C theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2029567.23 với số tiền 650.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD; Ngày 25/10/2023, V1 đã giải ngân cho ông T4, bà C theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7642696.23 với số tiền 2.550.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng ông T4, bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến thời điểm ngày 31/10/2024, ông T4 và bà C chỉ trả được 1.737.975.647 đồng (trong đó, tiền gốc là 1.099.945.000 đồng và tiền lãi là 638.030.647 đồng). Khoản nợ của ông T4, bà C đã chuyển sang quá hạn từ ngày 20/11/2023.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông T4, bà C trả ngay cho V1 toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2024 là 7.278.362.558 đồng, trong đó: Nợ gốc là 6.184.877.806 đồng và nợ lãi trong hạn là 520.207.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 546.238.413 đồng, phí là 27.039.006 đồng.

VIB được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 01/11/2024 cho đến khi ông T4, bà C thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả cho VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp;

2. Trường hợp ông T4, bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V1 có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6763392.21.621, ngày 22/02/2021;

Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của ông T4, bà C đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho V1.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của ông T4, bà C với V1. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông T4, bà C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V1.

Bị đơn ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C vắng mặt:

Không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự các phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2025, ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 8.845.389.662 đồng, trong đó: vốn gốc là 6.184.877.806 đồng, lãi tính đến ngày 23/9/2025, lãi trong hạn là 222.870.620 đồng, lãi quá hạn là 2.387.703.230 đồng và phí là 49.938.006 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Đặng

Phước T4, bà Dương Thị Thu C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2025 cho đến khi ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 8497859.21 ngày 04/11/2021, Hợp đồng tín dụng số 7610008.22 ngày 13/6/2022, Hợp đồng tín dụng số 2029567.23 ngày 28/4/2023, Hợp đồng tín dụng số 7642696.23 ngày 23/10/2023 và theo Giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/11/2018. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6763392.21.621 ngày 22/02/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) với ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc ông Đặng Phước T4 và bà Dương Thị Thu C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ, lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số 8497859.21 ngày 04/11/2021, Hợp đồng tín dụng số 7610008.22 ngày 13/6/2022, Hợp đồng tín dụng số 2029567.23 ngày 28/4/2023, Hợp đồng tín dụng số 7642696.23 ngày 23/10/2023 mà các bên đã ký và ông T4 còn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ, lãi phát sinh theo Giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/11/2018. Ngân hàng có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau số 6763392.21.621 ngày 22/02/2021 để thu hồi nợ vay.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc buộc bà C có trách nhiệm liên đới với ông T4 trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ, lãi phát sinh theo Giấy đề nghị

phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/11/2018.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Thường Vụ Quốc hội. Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường B, tỉnh An Giang nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số 8497859.21 ngày 04/11/2021; số 7610008.22 ngày 13/6/2022; số 2029567.23 ngày 28/4/2023 và số 7642696.23 ngày 23/10/2023 giữa Ngân hàng với ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T4, bà C có nghĩa vụ trả vốn, lãi tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2025 là 8.649.114.008 đồng, trong đó: vốn gốc là 6.100.055.000 đồng, lãi tính đến ngày 23/9/2025, lãi trong hạn là 222.870.620 đồng, lãi quá hạn là 2.326.188.388 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, do ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[3.2] Đối với, Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký ngày 26/11/2018, VIB đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Đặng Phước T4 chi tiết số thẻ như sau 621704060150403, loại thẻ Platinum. Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng. Lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà C liên đới thực hiện nghĩa vụ cùng ông T4 trả nợ cho Ngân hàng đối với số tiền gốc, lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/11/2018 do ông T4 ký. Tuy nhiên, theo nội dung uỷ quyền thì người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không được rút hay thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T4 có nghĩa vụ trả vốn, lãi tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2025 là 196.275.654 đồng (trong đó: vốn gốc là 84.822.806 đồng, lãi quá hạn là 61.514.842 đồng và phí 49.938.006 đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới: Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc buộc bà Dương Thị Thu C có trách nhiệm liên đới với ông Đặng Phước T4 trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ, lãi phát sinh theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký ngày 26/11/2018.

[3.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6763392.21.621, ngày 22/02/2021. Xét thấy, hợp đồng thế chấp này đã được các bên tự nguyện xác lập, có chứng nhận của văn phòng công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật nên trường hợp ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[3.3] Qua quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác định tại phần đất thuộc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số: 49, địa chỉ: Phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 873173, số vào sổ cấp GCN: CH13162 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 17/01/2020 cho ông T4, bà C. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ghi nhận: Trên phần đất thế chấp có một căn nhà, hiện đóng cửa và không ghi nhận được ai đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.5] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C có nghĩa vụ hoàn trả lại Ngân hàng số tiền 1.900.000 đồng.

[3.6] Về án dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C phải chịu 116.649.114 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Phước T4 phải chịu 9.813.783 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) được nhận lại 57.639.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002136 ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) đối với ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C.

Buộc ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) tổng số tiền 8.649.114.008 đồng (Tám tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười bốn nghìn, không trăm không tám đồng), trong đó: vốn gốc là 6.100.055.000 đồng, lãi tính đến ngày 23/9/2025, lãi trong hạn là 222.870.620 đồng, lãi quá hạn là 2.326.188.388 đồng.

Buộc ông Đặng Phước T4 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) tổng số tiền đối với khoản vay thẻ là 196.275.654 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 84.822.806 đồng, lãi tính đến ngày 23/9/2025, (trong đó: lãi quá hạn là 61.514.842 đồng và phí là 49.938.006 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 23/9/2025) ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8497859.21 ngày 04/11/2021; số 7610008.22 ngày 13/6/2022; số 2029567.23 ngày 28/4/2023 và số 7642696.23 ngày 23/10/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của các Hợp đồng tín dụng số 8497859.21 ngày 04/11/2021; số 7610008.22 ngày 13/6/2022; số 2029567.23 ngày 28/4/2023 và số 7642696.23 ngày 23/10/2023 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số: 49, địa chỉ: Phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B, tỉnh An Giang), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 873173, số vào sổ cấp GCN: CH13162 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 17/01/2020 cho ông T4, bà C (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6763392.21.621, ngày 22/02/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C) để thu hồi nợ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc buộc bà Dương Thị Thu C có trách nhiệm liên đới với ông Đặng Phước T4 trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ, lãi phát sinh theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký ngày 27/11/2018.

3. Về chi phí tố tụng: ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C có nghĩa vụ hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng).

4. Về án dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Phước T4, bà Dương Thị Thu C phải chịu 116.649.114 đồng (Một trăm mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm mười bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Phước T4 phải chịu 9.813.783 đồng (Chín triệu, tám trăm mười ba nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) được nhận lại 57.639.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002136 ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A).

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Kiên